

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/DS-ST**
Ngày: 01-10-2018
V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đăng Tổ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành

Ông Nguyễn Quang Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018, về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Mai Thị L**, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số nhà 2131/9/13, Tổ 2, Ấp Phương L 1, xã P, T, N (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Gia H**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ 2, Ấp Phương M3 (nay là Ấp Phương M), xã P, huyện T, tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị L trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2013, bà L có liên hệ với bà H, nhờ bà H thông qua các mối quan hệ ngoài xã hội để xin việc cho con trai bà L vào làm việc tại Công ty Điện lực Định Quán. Bà H đồng ý giúp và đưa ra chi phí xin việc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Thực hiện thỏa thuận nêu trên, bà L đã hai lần đưa cho bà H tổng số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), cụ thể: Ngày 29/8/2013, đưa số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tại nhà bà L; đến ngày 23/02/2014, bà H tiếp tục gọi điện thoại cho bà L, đề nghị đưa tiếp số tiền 10.000.000đ, bổ sung chi phí xin việc như đã thỏa

thuận. Các lần giao nhận tiền không có người chứng kiến, nhưng bà H có viết giấy nhận tiền giao cho bà L giữ.

Đến tháng 6/2015, do thấy việc xin việc làm như thỏa thuận không có tiền triển gì, qua trao đổi giữa bà H và bà L thì bà H cho biết, không thể xin được việc cho con trai bà L như đã thỏa thuận. Vì vậy, bà L yêu cầu bà H trả lại số tiền 30.000.000đ đã nhận trước đó. Cũng vào tháng 6/2015 (không nhớ rõ ngày), bà H đưa cho bà L một bì thư, có địa chỉ phần người gửi tại góc phải phía trên có ghi “Điện lực Định Quán” gửi nhà đình em Hải số tiền 10.000.000đ, số tiền còn lại bà H lập “Giấy biên nhận” đề ngày 18/4/2016 và thỏa thuận trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết số tiền 20.000.000đ.

Do bà H không thực hiện cam kết trả nợ như thỏa thuận nên ngày 04/9/2016, bà L đã gửi đơn tố cáo hành vi của bà H đến Công an xã Phú Lâm, tại đây bà H trả số tiền 5.000.000đ và tiếp tục cam kết với nội dung đến ngày 31/12/2016 sẽ thanh toán hết số tiền còn lại.

Ngày 03/01/2017, bà L gửi tố cáo hành vi của bà H đến Công an xã Phú L và Công an huyện P, Công an huyện P nhận đơn và có Thông báo trả lời số 28/CQĐT ngày 09/2/2017, xác định hành vi của bà H không có dấu hiệu tội phạm và hướng dẫn bà L khởi kiện tranh chấp dân sự tại Tòa án có thẩm quyền.

Đầu tháng 4/2017, bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T, tại Tòa án bà H tiếp tục viết giấy cam kết mỗi tháng sẽ trả cho bà L số tiền 2.000.000đ, nên bà L đã rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 20/2017/QĐST-DS ngày 20/6/2017. Đến ngày 09/8/2018, bà H trả cho bà số tiền 1.000.000đ, số tiền còn lại đến nay bà H không trả, mặc dù đã nhiều lần bà L yêu cầu.

Tại đơn khởi kiện và quá trình chuẩn bị xét xử, bà L yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo bà L, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà H đã trả cho bà số tiền 8.000.000đ, và cam kết đến cuối tháng 11/2018 sẽ trả hết số tiền còn lại, bà H có lập “Đơn khất nợ” đề ngày 11/9/2018 và giao cho bà giữ. Tuy nhiên, bà H đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện, nên nay bà L tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho bà số tiền còn lại là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Bị đơn bà Phạm Thị Gia H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp L các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn xác nhận hộ khẩu thường trú của bị đơn; thông báo thụ lý vụ án số 32/2017/TLST-DS ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 20/2017/QĐST-DS ngày 20/6/2017; đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án đề ngày 21/3/2018; giấy cam kết trả nợ đề ngày 20/6/2017; 01 bì

thư có nội dung “EVNSPC, PCDONG NAI, ĐIỆN LỰC ĐỊNH QUẢN, kính gửi gia đình em Hải với số tiền 10.000.000đ, tháng 6.2015 có nhận số tiền 10.000.000đ”, được viết bằng mực màu xanh; 01 giấy nhận tiền đề ngày 29/8/2013, được viết tay bằng mực màu xanh, trên giấy kẻ ô li học sinh, tại mực người viết giấy có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Phạm Thị Gia H; 01 giấy biên nhận đề ngày 18/4/2016, được viết tay bằng mực màu xanh trên giấy kẻ ngang, tại góc phải phía dưới có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Phạm Thị Gia H; 01 giấy cam kết đề ngày 01/10/2016, tại mực người làm giấy có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Phạm Thị Gia H. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp L cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng cư trú của bị đơn Phạm Thị Gia H; bản tự khai đề ngày 30/5/2017 của bà Mai Thị L, bản tự khai đề ngày 30/5/2017 của bà Phạm Thị Gia H (được lưu trong hồ sơ vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 20/2017/QĐST-DS ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú); đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017 của bà Mai Thị L; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 20/2017/QĐST-DS ngày 20/6/2017.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L, buộc bà Phạm Thị Gia H phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị L khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Gia H trả lại số tiền 13.000.000đ do bà H chiếm giữ trái phép. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Phạm Thị Gia H có nơi cư trú tại: Ấp Phương M, xã Phú L, huyện P, tỉnh N, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Thị Gia H là bị đơn đã được triệu tập hợp L lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền 8.000.000đ, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và tiếp tục xem xét đối với yêu cầu đòi lại số tiền 5.000.000đ.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo giấy nhận tiền ngày 29/8/2013 và ngày 23/02/2014; giấy cam kết đề ngày 01/10/2016 và giấy cam kết trả nợ đề ngày 20/6/2017, giấy khất nợ đề ngày 11/9/2018 đứng tên bà Phạm Thị Gia H do nguyên đơn cung cấp, nội dung thể hiện bị đơn bà Phạm Thị Gia H có nhận của bà Mai Thị L số tiền 30.000.000đ để thực hiện thỏa thuận xin việc cho con trai của bà L, trường hợp bà H không thực hiện được thỏa thuận thì sẽ trả lại cho bà L số tiền đã nhận. Sau đó bà H đã không thực hiện được đúng như thỏa thuận, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại tiền, nhưng bà H chỉ mới trả tổng số tiền 25.000.000đ, còn 5.000.000đ chưa trả cho bà L.

[5] Lời khai của nguyên đơn về thỏa thuận xin việc và giao nhận số tiền 30.000.000đ đã từng được bị đơn thừa nhận tại bản tự khai được lưu tại hồ sơ dân sự thụ lý số 32/TLST-DS ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú (Bút lục 07, 62, 79). Các lần bà H trả tiền và cam kết trả nợ như nguyên đơn khai ở trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án (Bút lục số 77, 80, 81).

[6] Đối với bị đơn bà Phạm Thị Gia H, qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn cư trú, xác định bà Phạm Thị Gia H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, vẫn sinh sống và thường xuyên có mặt tại địa chỉ như nguyên đơn cung cấp nhưng cố tình né tránh. Tòa án đã tổng đạt hợp L giấy triệu tập, giấy báo và các văn bản tố tụng khác (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử) cho bị đơn nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự.

[7] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập, có đủ cơ sở khẳng định, đến thời điểm hiện nay, bị đơn bà H còn chiếm giữ tài sản là số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của bà L, yêu cầu của bà L là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Quyền đòi lại tài sản:

1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu; Người sử dụng tài sản; Người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”.

[8] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn bà Phạm Thị Gia H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn bà Mai Thị L thuộc trường hợp “người cao tuổi” được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 164, 166 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị L đối với bị đơn bà Phạm Thị Gia H, về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Gia H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Mai Thị L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị L đòi số tiền 8.000.000đ đối với bị đơn bà Phạm Thị Gia H.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Gia H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố

